TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Củng Trần Lương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chỏ;

Bà Vương Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Bách T, sinh năm 2002; số CCCD: 002302006484 do Cục C cấp ngày 02/02/2023; địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1998; số CCCD: 002098006103 do Cục C cấp ngày 02/02/2023; địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 10/12/2025; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phùng Thị Bách T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã N, tỉnh Tuyên Quang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 25/01/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì khoảng 02 năm trở lại đây vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hoà thuận, hay cãi chửi nhau. Hai vợ chồng đã cố gắng hoà giải nhưng không thành, không tìm được nói

chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 19/4/2022. Khi ly hôn chị yêu cầu chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Anh D cho đến khi đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi Thông báo theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Hoàng Văn T1 ở tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang, Công an xã N đã xác nhận anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Hiện tại anh T1 không có mặt ở địa phương, Công an xã chỉ nắm được là anh T1 đi làm ở Công ty, khi đi anh T1 không thông báo cho Công an xã được biết nên không nắm được cụ thể anh T1 làm gì, ở đâu. Từ ngày anh T1 đi làm ăn thi thoảng thấy anh T1 quay về địa phương xong lại đi luôn. Về tình trạng hôn nhân trưởng thôn Niêm Đồng, xã N, tỉnh Tuyên Quang xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh T1 chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang, sau đó cả hai vợ chồng đều đi làm Công ty. Hiện tại anh T1 không có mặt ở địa phương, không biết địa chỉ anh T1 đi làm ở đâu.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn T1 trình bày: Anh và chị Phùng Thị Bách T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã N, tỉnh Tuyên Quang) ngày 25/01/2022, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, sau một thời gian vợ chồng cùng nhau đi làm công ty tại tỉnh Bắc Ninh, quá trình làm việc, sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh anh phát hiện chị T có ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, từ tháng 7 năm 2024 thì vợ chồng sống ly thân từ đó không ai còn quan tâm đến ai, anh cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, nay chị Phùng Thị Bách T có đơn xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 19/4/2022, hiện nay cháu D đang sinh sống cùng với chị T và gia đình bên ngoại, anh nhất trí để chị T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Anh D. Hiện tại anh không có công việc, thu nhập ổn định nên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng anh không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản Biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2026 ông Hoàng Văn P trình bày: Ông P là bố ruột anh T1 và là bố chồng chị T, sau khi kết hôn vợ chồng chị T anh T1 ở chung nhà với ông. Hai vợ chồng ở được mấy ngày tết xong đều đi làm Công ty, cả hai đều không thấy mâu thuẫn gì. Anh T1 đi làm Công ty gì ở đâu thì ông không nắm được, các ngày lễ thì mới thấy anh T1 về thăm nhà xong lại đi luôn.

Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T1 có 01 con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 19/4/2022, hiện cháu D đang ở với chị T và ông bà ngoại chăm sóc rất tốt. Việc Chị T xin ly hôn với anh T1 ông không có ý kiến gì, tuỳ thuộc vào quyết định của anh chị.

Tại bản Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2026 bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Bà là mẹ ruột của chị T và là mẹ vợ của anh T1. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 đều đi làm Công ty, được một thời gian thì biết anh T1 không làm cùng chị T và đi làm ăn xa, cụ thể ở đâu thì bà không biết. Việc vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn gì thì bà không nắm được chỉ biết hai vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống chị T, anh T1 có 01 con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 19/4/2022, hiện cháu D đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Những lúc chị T đi làm bà sẽ hỗ trợ chăm sóc, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu D, bà nhất chí để chị T và cháu D ở chung nhà để tiện chăm sóc cháu D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang: Về tuân thủ pháp luật tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Bách T, cho chị Phùng Thị Bách T và anh Hoàng Văn T1 được ly hôn với nhau. Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 19/4/2022 cho chị Phùng Thị Bách T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh T1 xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị Phùng Thị Bách T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phùng Thị Bách T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Hoàng Văn T1 cư trú tại thôn N, xã N, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phùng Thị Bách T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn chị T đã trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Văn T1, về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Anh D sinh ngày 19/4/2022. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Bách T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã N, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở tự nguyện, theo giấy đăng ký kết hôn số 10 ngày 25/01/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quá trình xác minh thấy rằng chị T và anh T1 đã không chung sống với nhau từ tháng 7/2024 đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Tại phiên tòa, bị đơn anh T1 thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xét thấy, việc anh T1 đồng ý ly hôn thể hiện quan hệ hôn nhân giữa các bên đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn, việc tiếp tục duy trì hôn nhân không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 19/4/2022, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, anh T1 đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với lợi ích về mọi mặt của cháu D nên HĐXX chấp nhận giao cháu D cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền được đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phùng Thị Bách T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Bách T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phùng Thị Bách T được ly hôn anh Hoàng Văn T1. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 19/4/2022 cho chị Phùng Thị Bách T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị Bách T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001838 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Hoàng Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm (ngày 30/3/2026).

Nguyên đơn chị Phùng Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Niêm Sơn, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Củng Trẩn Lương